

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ NỘI VỤ

KẾT QUẢ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC SỞ, CƠ QUAN TƯƠNG ĐƯƠNG SỞ;
UBND CÁC QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNV ngày 02/8/2024 của Giám đốc Sở Nội vụ Hà Nội)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Vị trí	Cơ quan đăng ký thi tuyển	Mã CN	Đối tượng ưu tiên	Điểm Phỏng Vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
1	VP02	Vũ Trọng Giang	01/9/1991	Nam	26	Sở Khoa học và Công nghệ	VP	K	51.0		51.0	Trúng tuyển
2	VP05	Trần Thu Huyền	05/02/1998	Nữ	6	Sở Công thương	VP	K	66.0		66.0	Trúng tuyển
3	VP08	Nguyễn Ngọc Thanh	24/11/1995	Nam	11	Sở Giao thông Vận tải	VP	K	64.0		64.0	Trúng tuyển
4	VP10	Nguyễn Đình Tráng	03/10/1990	Nam	1	Văn phòng UBND Thành phố	VP	CTB	82.0	5	87.0	Trúng tuyển
5	VP15	Phạm Phương Anh	28/01/1995	Nữ	49	Sở Quy hoạch và Kiến trúc	VP	K	80.0		80.0	Trúng tuyển
6	VP17	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	12/02/1994	Nữ	27	Sở Khoa học và Công nghệ	VP	K	68.0		68.0	Trúng tuyển
7	VP18	Bùi Thanh Hương	23/4/1995	Nữ	37	Sở Nông nghiệp và PTNT	VP	K	78.0		78.0	Trúng tuyển
8	VP25	Tạ Văn Vinh	18/9/1986	Nam	88	UBND quận Ba Đình	VP	K	68.0		68.0	Trúng tuyển
9	NV107	Nguyễn Hồng Nhung	17/01/1977	Nữ	4	Văn phòng UBND Thành phố	NV1	K	73.5		73.5	Trúng tuyển
10	NV109	Lương Hùng Quyền	14/4/2000	Nam	100	UBND quận Cầu Giấy	NV1	K	78.0		78.0	Trúng tuyển
11	NV111	Hà Ngọc Thắng	09/3/2000	Nam	54	Sở Tài chính	NV1	K	80.5		80.5	Trúng tuyển
12	NV114	Cần Thanh Tùng	24/5/1999	Nam	48	Sở Quy hoạch và Kiến trúc	NV1	K	81.0		81.0	Trúng tuyển
13	CT03	Nguyễn Thị Song Hà	24/6/2000	Nữ	7	Sở Công thương	CT	K	55.0		55.0	Trúng tuyển
14	CT08	Nguyễn Tùng Lâm	08/8/1994	Nam	146	UBND huyện Đan Phượng	CT	K	79.0		79.0	Trúng tuyển
15	CT09	Đặng Sơn Lân	27/8/2000	Nam	103	UBND quận Đống Đa	CT	K	58.0		58.0	Trúng tuyển
16	CT12	Ngô Đình Minh Ngọc	15/9/1999	Nam	128	UBND Thị xã Sơn Tây	CT	K	69.0		69.0	Trúng tuyển
17	CT13	Vũ Thị Kim Thư	10/5/2001	Nữ	8	Sở Công thương	CT	K	84.0		84.0	Trúng tuyển
18	TC101	Nguyễn Ngân Hà	17/7/2000	Nữ	13	Sở Giao thông Vận tải	TC1	K	51.2		51.2	Trúng tuyển
19	TC102	Lại Thị Hiền	31/10/1983	Nữ	3	Văn phòng UBND Thành phố	TC1	CTB	69.5	5	74.5	Trúng tuyển
20	TC103	Nguyễn Thu Phương	11/9/1990	Nữ	82	Ban Dân tộc	TC1	K	73.7		73.7	Trúng tuyển
21	TC202	Bùi Minh Hằng	19/6/2001	Nữ	29	Sở Khoa học và Công nghệ	TC2	K	71.0		71.0	Trúng tuyển
22	TC204	Đinh Thế Hùng	17/11/2000	Nam	102	UBND quận Đống Đa	TC2	K	82.0		82.0	Trúng tuyển
23	TC206	Đinh Thị Mai Linh	18/02/1995	Nữ	15	Sở Giao thông Vận tải	TC2	K	69.5		69.5	Trúng tuyển
24	TC211	Đặng Ngọc Đông	13/4/1991	Nam	56	Sở Tài chính	TC2	K	91.5		91.5	Trúng tuyển
25	TC214	Bùi Diệu Hoa	09/7/1995	Nữ	56	Sở Tài chính	TC2	K	93.0		93.0	Trúng tuyển
26	TC224	Nguyễn Trần Hoàng Anh	08/2/2000	Nam	59	Sở Tài chính	TC2	K	85.0		85.0	Trúng tuyển
27	TC226	Trịnh Thu Hương	08/3/1996	Nữ	59	Sở Tài chính	TC2	K	80.5		80.5	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Vị trí	Cơ quan đăng ký thi tuyển	Mã CN	Đối tượng ưu tiên	Điểm Phỏng Vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
28	TC227	Kiều Ngọc Huyền	02/01/2001	Nữ	59	Sở Tài chính	TC2	K	79.5		79.5	Trúng tuyển
29	TC229	Phạm Minh Khoa	08/01/1998	Nam	59	Sở Tài chính	TC2	K	79.5		79.5	Trúng tuyển
30	TC236	Nguyễn Quốc Hưng	11/10/2000	Nam	74	Sở Xây dựng	TC2	K	89.0		89.0	Trúng tuyển
31	TC239	Nguyễn Mỹ Linh	22/02/1999	Nữ	122	UBND quận Long Biên	TC2	K	52.0		52.0	Trúng tuyển
32	TC240	Vương Văn Lượng	01/8/1989	Nam	85	BQL Khu CNC Hòa Lạc	TC2	K	61.0		61.0	Trúng tuyển
33	TC241	Bùi Bích Ngọc	20/4/2000	Nữ	57	Sở Tài chính	TC2	K	69.0		69.0	Trúng tuyển
34	TC242	Nhữ Minh Quang	15/01/1999	Nam	57	Sở Tài chính	TC2	K	66.0		66.0	Trúng tuyển
35	TC243	Nguyễn Anh Tú	10/12/1999	Nam	58	Sở Tài chính	TC2	K	56.0		56.0	Trúng tuyển
36	TC244	Nguyễn Mai Uyên	05/6/1996	Nữ	57	Sở Tài chính	TC2	K	71.0		71.0	Trúng tuyển
37	KH02	Nguyễn Thiện Minh Đức	26/7/1992	Nam	178	UBND huyện Thanh Tri	KH	K	54.0		54.0	Trúng tuyển
38	TTR06	Nguyễn Duy Tường Minh	18/3/1997	Nam	109	UBND quận Hà Đông	TTR	K	80.0		80.0	Trúng tuyển
39	TTR07	Nguyễn Hà Phương	04/10/1997	Nữ	50	Sở Quy hoạch và Kiến trúc	TTR	K	76.0		76.0	Trúng tuyển
40	TTR10	Nguyễn Chí Trung	11/11/1992	Nam	94	UBND quận Bắc Từ Liêm	TTR	K	57.0		57.0	Trúng tuyển
41	TTR14	Phạm Tuấn Hưng	06/7/1999	Nam	21	Sở Giao thông Vận tải	TTR	K	71.0		71.0	Trúng tuyển
42	TTR16	Nguyễn Quang Huy	06/11/1996	Nam	24	Sở Giao thông Vận tải	TTR	K	60.5		60.5	Trúng tuyển
43	TTR18	Nguyễn Thị Ngà	04/8/1981	Nữ	5	Văn phòng UBND Thành phố	TTR	K	80.5		80.5	Trúng tuyển
44	TTR19	Nguyễn Diệu Như	12/4/2001	Nữ	28	Sở Khoa học và Công nghệ	TTR	K	85.5		85.5	Trúng tuyển
45	TTR20	Nguyễn Nam Sơn	12/8/1999	Nam	25	Sở Giao thông Vận tải	TTR	K	75.0		75.0	Trúng tuyển
46	TTR22	Phạm Thu Trang	19/7/1997	Nữ	162	UBND huyện Mỹ Đức	TTR	K	86.0		86.0	Trúng tuyển
47	XD03	Bùi Anh Đức	07/01/1992	Nam	112	UBND quận Hoàn Kiếm	XD	K	80.0		80.0	Trúng tuyển
48	XD05	Hoàng Trung Hiếu	29/5/1994	Nam	92	UBND quận Ba Đình	XD	HTNVCA	74.0	2.5	76.5	Trúng tuyển
49	XD06	Nguyễn Thế Hùng	07/2/1993	Nam	92	UBND quận Ba Đình	XD	K	80.5		80.5	Trúng tuyển
50	XD07	Phạm Quốc Huy	02/10/1995	Nam	108	UBND quận Đống Đa	XD	K	60.0		60.0	Trúng tuyển
51	XD08	Đào Quang Huy	19/4/2000	Nam	113	UBND quận Hoàn Kiếm	XD	K	72.0		72.0	Trúng tuyển
52	XD12	Đặng Minh Vũ	05/9/1992	Nam	108	UBND quận Đống Đa	XD	K	52.0		52.0	Trúng tuyển
53	XD14	Hoàng Thị Xuân Ban	27/6/1990	Nữ	130	UBND Thị xã Sơn Tây	XD	K	65.0		65.0	Trúng tuyển
54	XD16	Tào Đức Cao	15/11/1993	Nam	139	UBND huyện Chương Mỹ	XD	K	75.0		75.0	Trúng tuyển
55	XD18	Doãn Thị Hương Giang	06/02/1993	Nữ	138	UBND huyện Chương Mỹ	XD	K	63.0		63.0	Trúng tuyển
56	XD19	Nguyễn Thị Thu Hằng	13/11/2000	Nữ	129	UBND Thị xã Sơn Tây	XD	K	75.0		75.0	Trúng tuyển
57	XD20	Vũ Thu Hiền	03/11/1999	Nữ	135	UBND huyện Ba Vì	XD	K	60.0		60.0	Trúng tuyển
58	XD21	Vương Thị Thanh Loan	17/11/1998	Nữ	131	UBND Thị xã Sơn Tây	XD	K	68.0		68.0	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Vị trí	Cơ quan đăng ký thi tuyển	Mã CN	Đối tượng ưu tiên	Điểm Phỏng Vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
59	XD22	Nguyễn Đình Bảo Ngọc	21/7/2001	Nam	137	UBND huyện Chương Mỹ	XD	K	65.0		65.0	Trúng tuyển
60	XD25	Lê Thúy Anh	15/11/2001	Nữ	173	UBND huyện Phúc Thọ	XD	K	69.5		69.5	Trúng tuyển
61	XD26	Phạm Lê Duy	18/10/1996	Nam	143	UBND huyện Đan Phượng	XD	K	64.0		64.0	Trúng tuyển
62	XD28	Nguyễn Việt Hà	01/11/1984	Nam	141	UBND huyện Đan Phượng	XD	CTB	50.0	5	55.0	Trúng tuyển
63	XD34	Giang Hiền Thảo	12/9/1995	Nữ	140	UBND huyện Đan Phượng	XD	K	64.0		64.0	Trúng tuyển
64	XD35	Khuông Thủy Tiên	27/12/1997	Nữ	141	UBND huyện Đan Phượng	XD	K	70.0		70.0	Trúng tuyển
65	XD36	Vũ Minh Tiến	24/6/1999	Nam	181	UBND huyện Thường Tín	XD	K	61.5		61.5	Trúng tuyển
66	XD37	Nguyễn Huyền Trang	05/12/1986	Nữ	155	UBND huyện Hoài Đức	XD	K	63.5		63.5	Trúng tuyển
67	XD38	Trần Thị Trinh	10/01/1998	Nữ	141	UBND huyện Đan Phượng	XD	K	70.0		70.0	Trúng tuyển
68	TN101	Phạm Duy Anh	18/10/1997	Nam	63	Sở Tài nguyên và Môi trường	TN1	K	89.5		89.5	Trúng tuyển
69	TN104	Phan Thị Thu Hà	20/9/1994	Nữ	184	UBND huyện Ứng Hòa	TN1	K	79.5		79.5	Trúng tuyển
70	TN105	Lê Minh Huy	11/11/1996	Nam	104	UBND quận Đống Đa	TN1	K	73.25		73.3	Trúng tuyển
71	TN108	Hoàng Thị Tin	26/8/1987	Nữ	121	UBND quận Long Biên	TN1	K	86.5		86.5	Trúng tuyển
72	TN109	Nguyễn Huy Tuấn	09/6/2001	Nam	61	Sở Tài nguyên và Môi trường	TN1	K	60.0		60.0	Trúng tuyển
73	TN201	Tạ Thị Phương Chi	03/12/1997	Nữ	86	BQL Khu CNC Hòa Lạc	TN2	K	93.5		93.5	Trúng tuyển
74	TN202	Đặng Thị Thanh Hoa	16/02/1997	Nữ	183	UBND huyện Thường Tín	TN2	K	74.0		74.0	Trúng tuyển
75	TN203	Trần Thị Anh Minh	18/01/1999	Nữ	118	UBND quận Hoàng Mai	TN2	K	57.0		57.0	Trúng tuyển
76	TN204	Nguyễn Xuân Nhật Nam	05/02/1998	Nam	62	Sở Tài nguyên và Môi trường	TN2	K	78.5		78.5	Trúng tuyển
77	NV115	Ngô Thành Đạt	14/5/2001	Nam	167	UBND huyện Phú Xuyên	NV1	K	69.5		69.5	Trúng tuyển
78	NV116	Đặng Thúy Ngân	23/8/2001	Nữ	9	Sở Du lịch	NV1	K	79.5		79.5	Trúng tuyển
79	NV118	Nguyễn Thị Kiều Trang	05/01/2000	Nữ	148	UBND huyện Gia Lâm	NV1	K	70.0		70.0	Trúng tuyển
80	NV201	Nguyễn Minh Châu	11/12/1998	Nữ	120	UBND quận Long Biên	NV2	K	78.5		78.5	Trúng tuyển
81	NV203	Trần Thị Trang	14/01/1984	Nữ	39	Sở Nông nghiệp và PTNT	NV2	K	56.0		56.0	Trúng tuyển
82	NV204	Tạ Trần Tâm Trang	10/8/1997	Nữ	144	UBND huyện Đan Phượng	NV2	K	63.5		63.5	Trúng tuyển
83	NV205	Nguyễn Thị Thảo Trinh	12/9/1996	Nữ	2	Văn phòng UBND Thành phố	NV2	K	76.5		76.5	Trúng tuyển
84	LĐ01	Ngô Quý Dương	15/4/1998	Nam	110	UBND quận Hoàn Kiếm	LĐ	K	75.5		75.5	Trúng tuyển
85	GT02	Trịnh Bảo Ân	03/3/1994	Nam	14	Sở Giao thông Vận tải	GT	K	77.5		77.5	Trúng tuyển
86	GT05	Nguyễn Thị Lan Hương	20/11/1995	Nữ	17	Sở Giao thông Vận tải	GT	K	52.5		52.5	Trúng tuyển
87	GT06	Nguyễn Duy Khánh	15/02/2001	Nam	16	Sở Giao thông Vận tải	GT	K	52.5		52.5	Trúng tuyển
88	GT07	Nguyễn Trung Kiên	29/08/1991	Nam	175	UBND huyện Sóc Sơn	GT	K	76.0		76.0	Trúng tuyển
89	KC03	Chu Dương Minh	28/7/1996	Nam	87	BQL Khu CNC Hòa Lạc	KC	K	85.0		85.0	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Vị trí	Cơ quan đăng ký thi tuyển	Mã CN	Đối tượng ưu tiên	Điểm Phỏng Vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
90	KC04	Nguyễn Thị Thủy	03/5/1982	Nữ	31	Sở Khoa học và Công nghệ	KC	CTB	90.0	5	95.0	Trúng tuyển
91	KC05	Nguyễn Dương Tú	10/10/2000	Nam	30	Sở Khoa học và Công nghệ	KC	K	85.0		85.0	Trúng tuyển
92	DT04	Mai Thu Trang	22/5/1992	Nữ	83	Ban Dân tộc	DT	K	79.5		79.5	Trúng tuyển
93	DL02	Trương Hà Vy	11/7/2002	Nữ	10	Sở Du lịch	DL	K	87.5		87.5	Trúng tuyển
94	NN101	Nguyễn Hồ Lâm	01/10/2000	Nam	40	Sở Nông nghiệp và PTNT	NN1	K	68.0		68.0	Trúng tuyển
95	NN401	Nguyễn Thanh Thư	20/11/1997	Nữ	46	Sở Nông nghiệp và PTNT	NN4	K	90.0		90.0	Trúng tuyển
96	GD01	Phan Thị Thu Hà	26/4/1979	Nữ	114	UBND quận Hoàng Mai	GD	K	56.5		56.5	Trúng tuyển
97	GD02	Lê Kiều Oanh	08/11/2001	Nữ	168	UBND huyện Phúc Thọ	GD	K	50.5		50.5	Trúng tuyển
98	GD03	Trương Việt Phương	14/01/1995	Nam	90	UBND quận Ba Đình	GD	K	74.0		74.0	Trúng tuyển
99	GD04	Bùi Thị Quỳnh	12/11/1996	Nữ	115	UBND quận Hoàng Mai	GD	K	87.5		87.5	Trúng tuyển
100	TT101	Trần Minh Hiếu	04/7/1998	Nam	70	Sở Thông tin và Truyền thông	TT1	K	70.5		70.5	Trúng tuyển
101	TT102	Phan Anh Hưng	26/3/1985	Nam	68	Sở Thông tin và Truyền thông	TT1	K	66.0		66.0	Trúng tuyển
102	TT103	Vũ Trung Kiên	31/01/1998	Nam	70	Sở Thông tin và Truyền thông	TT1	K	52.5		52.5	Trúng tuyển
103	TT201	Nguyễn Thị Nguyệt	26/10/1997	Nữ	158	UBND huyện Mê Linh	TT2	K	66.0		66.0	Trúng tuyển
104	TT202	Bùi Thu Thủy	14/7/1993	Nữ	65	Sở Thông tin và Truyền thông	TT2	K	84.5		84.5	Trúng tuyển
105	NGV02	Đoàn Thái An	10/11/1998	Nam	36	Sở Ngoại vụ	NGV	K	75.0		75.0	Trúng tuyển
106	NGV06	Nguyễn Đình Anh Minh	28/7/1997	Nam	32	Sở Ngoại vụ	NGV	HTNVQS	50.0	2.5	52.5	Trúng tuyển
107	NGV11	Nguyễn Tất Tuấn	09/10/1995	Nam	34	Sở Ngoại vụ	NGV	K	87.0		87.0	Trúng tuyển
108	NGV13	Trần Hà Ngọc	23/8/2001	Nữ	33	Sở Ngoại vụ	NGV	K	82.0		82.0	Trúng tuyển
109	QH05	Dương Phương Nam	16/4/1982	Nam	51	Sở Quy hoạch và Kiến trúc	QH	K	83.0		83.0	Trúng tuyển
110	QH06	Vũ Tuấn Trúc	26/7/1984	Nam	53	Sở Quy hoạch và Kiến trúc	QH	K	84.5		84.5	Trúng tuyển
111	QH08	Phạm Thanh Tùng	18/9/1980	Nam	53	Sở Quy hoạch và Kiến trúc	QH	CBB	73.0	5	78.0	Trúng tuyển
112	TP01	Phan Anh	29/4/2001	Nam	71	Sở Tư pháp	TP	K	86.0		86.0	Trúng tuyển
113	TP10	Trần Thị Nguyệt Ánh	01/4/1989	Nữ	145	UBND Đan Phượng	TP	K	60.75		60.8	Trúng tuyển
114	TP14	Nguyễn Bích Hường	14/4/2001	Nữ	159	UBND huyện Mê Linh	TP	K	57.0		57.0	Trúng tuyển
115	TP15	Nguyễn Lệ Thủy	20/8/1991	Nữ	72	Sở Tư pháp	TP	K	78.0		78.0	Trúng tuyển
116	XD39	Lại Văn Biên	06/6/1983	Nam	77	Sở Xây dựng	XD	K	78.25		78.3	Trúng tuyển
117	XD41	Vũ Văn Duy	01/01/1983	Nam	79	Sở Xây dựng	XD	K	72.0		72.0	Trúng tuyển
118	XD42	Bùi Trần Đạt	02/5/1990	Nam	80	Sở Xây dựng	XD	CBB	80.25	5	85.3	Trúng tuyển
119	XD43	Kiều Văn Mạnh	21/01/1988	Nam	75	Sở Xây dựng	XD	K	71.5		71.5	Trúng tuyển
120	XD44	Trần Thị Thu Phương	29/7/1990	Nữ	78	Sở Xây dựng	XD	K	59.0		59.0	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Vị trí	Cơ quan đăng ký thi tuyển	Mã CN	Đối tượng ưu tiên	Điểm Phỏng Vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
121	XD45	Ứng Văn Thành	08/11/1973	Nam	80	Sở Xây dựng	XD	K	80.0		80.0	Trúng tuyển
122	XD47	Hoàng Anh Tuấn	02/6/1996	Nam	76	Sở Xây dựng	XD	K	76.0		76.0	Trúng tuyển
123	YT01	Hà Thu Hằng	11/02/1983	Nữ	147	UBND huyện Đan Phượng	YT	K	55.0		55.0	Trúng tuyển
124	YT02	Lê Thị Hiến	19/12/1997	Nữ	91	UBND quận Ba Đình	YT	K	85.0		85.0	Trúng tuyển
125	YT03	Lã Diệu Hường	24/6/1999	Nữ	179	UBND huyện Thanh Trì	YT	K	65.0		65.0	Trúng tuyển
126	YT04	Hà Thị Nhật Linh	15/11/1995	Nữ	107	UBND quận Đống Đa	YT	DTTS	75.0	5	80.0	Trúng tuyển
127	YT06	Trần Phúc Tài	27/7/1997	Nam	116	UBND quận Hoàng Mai	YT	K	55.0		55.0	Trúng tuyển
128	YT07	Nguyễn Minh Tấn	02/10/1995	Nam	106	UBND quận Đống Đa	YT	HTNVCA	70.0	2.5	72.5	Trúng tuyển
129	VP01	Nguyễn Thùy Dương	09/01/2001	Nữ	1	Văn phòng UBND Thành phố	VP	K	50.0		50.0	Không trúng tuyển
130	VP03	Vũ Ngọc Hà	26/8/1999	Nữ	26	Sở Khoa học và Công nghệ	VP	DTTS	44.0	5	49.0	Không trúng tuyển
131	VP04	Trịnh Quang Hưng	06/4/1998	Nam	1	Văn phòng UBND Thành phố	VP	K	40.0		40.0	Không trúng tuyển
132	VP06	Ngô Thị Ngọc	08/12/2000	Nữ	1	Văn phòng UBND Thành phố	VP	K	54.0		54.0	Không trúng tuyển
133	VP07	Nguyễn Văn Tấn	24/12/1997	Nam	1	Văn phòng UBND Thành phố	VP	K	59.0		59.0	Không trúng tuyển
134	VP09	Nguyễn Thị Anh Thư	27/01/1995	Nữ	1	Văn phòng UBND Thành phố	VP	K	82.0		82.0	Không trúng tuyển
135	VP11	Nguyễn Đức Trung	22/5/2002	Nam	1	Văn phòng UBND Thành phố	VP	K	74.0		74.0	Không trúng tuyển
136	VP12	Lê Việt Tùng	18/6/2000	Nam	6	Sở Công thương	VP	K	45.0		45.0	Không trúng tuyển
137	VP13	Phạm Gia Vinh	21/12/1994	Nam	6	Sở Công thương	VP	CTB	50.0	5	55.0	Không trúng tuyển
138	VP14	Trịnh Hải Anh	18/10/1999	Nữ	37	Sở Nông nghiệp và PTNT	VP	K	71.0		71.0	Không trúng tuyển
139	VP16	Nguyễn Thị Thanh Dung	06/5/1983	Nữ	49	Sở Quy hoạch và Kiến trúc	VP	K	48.0		48.0	Không trúng tuyển
140	VP19	Phùng Thị Thanh Huyền	22/4/1997	Nữ	132	UBND huyện Ba Vì	VP	K	31.0		31.0	Không trúng tuyển
141	VP20	Trần Kiên	21/10/1990	Nam	49	Sở Quy hoạch và Kiến trúc	VP	K	Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển
142	VP21	Vũ Thị Ngọc Mai	10/9/2001	Nữ	37	Sở Nông nghiệp và PTNT	VP	K	31.0		31.0	Không trúng tuyển
143	VP22	Lê Hồng Nhung	11/10/1996	Nữ	49	Sở Quy hoạch và Kiến trúc	VP	K	65.0		65.0	Không trúng tuyển
144	VP23	Lê Yến Nhung	10/9/1998	Nữ	88	UBND quận Ba Đình	VP	K	48.0		48.0	Không trúng tuyển
145	VP24	Nguyễn Thị Bích Phương	25/10/1995	Nữ	132	UBND huyện Ba Vì	VP	K	Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển
146	NV101	Chu Thị Hải Anh	30/10/2001	Nữ	48	Sở Quy hoạch và Kiến trúc	NV1	K	Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển
147	NV102	Bùi Xuân Hào	30/6/1974	Nam	4	Văn phòng UBND Thành phố	NV1	HTNVQS	50.5	2.5	53.0	Không trúng tuyển
148	NV103	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	17/9/2000	Nữ	100	UBND quận Cầu Giấy	NV1	K	64.5		64.5	Không trúng tuyển
149	NV104	Nguyễn Thanh Huyền	08/11/1994	Nữ	48	Sở Quy hoạch và Kiến trúc	NV1	K	75.5		75.5	Không trúng tuyển
150	NV105	Chu Thị Phương Linh	30/5/2002	Nữ	54	Sở Tài chính	NV1	K	75.5		75.5	Không trúng tuyển
151	NV106	Phạm Hải Long	30/10/1998	Nam	54	Sở Tài chính	NV1	K	66.5		66.5	Không trúng tuyển

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Vị trí	Cơ quan đăng ký thi tuyển	Mã CN	Đối tượng ưu tiên	Điểm Phỏng Vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
152	NV108	Nguyễn Hà Phương	26/3/1998	Nữ	100	UBND quận Cầu Giấy	NV1	K	66.5		66.5	Không trúng tuyển
153	NV110	Nguyễn Như Sơn	24/3/1995	Nam	100	UBND quận Cầu Giấy	NV1	K	Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển
154	NV112	Hoàng Kim Thanh	29/9/2001	Nữ	54	Sở Tài chính	NV1	K	50.0		50.0	Không trúng tuyển
155	NV113	Chu Văn Thủy	13/6/1993	Nam	4	Văn phòng UBND Thành phố	NV1	K	72.5		72.5	Không trúng tuyển
156	CT01	Hoàng Bích An	06/8/1999	Nữ	8	Sở Công thương	CT	DTTS	66.0	5	71.0	Không trúng tuyển
157	CT02	Phạm Thị Dịu	24/8/1985	Nữ	146	UBND huyện Đan Phượng	CT	K	68.0		68.0	Không trúng tuyển
158	CT04	Nguyễn Thành Hai	31/7/1998	Nam	8	Sở Công thương	CT	K	72.0		72.0	Không trúng tuyển
159	CT05	Từ Thanh Hằng	13/9/2001	Nữ	8	Sở Công thương	CT	K	72.0		72.0	Không trúng tuyển
160	CT06	Nguyễn Như Hưng	30/5/1990	Nam	146	UBND huyện Đan Phượng	CT	K	65.5		65.5	Không trúng tuyển
161	CT07	Trần Mai Hương	04/10/2000	Nữ	8	Sở Công thương	CT	K	54.5		54.5	Không trúng tuyển
162	CT10	Lê Thị Khánh Linh	12/10/1998	Nữ	103	UBND quận Đống Đa	CT	K	41.5		41.5	Không trúng tuyển
163	CT11	Nguyễn Quang Lộc	21/9/1995	Nam	146	UBND huyện Đan Phượng	CT	K	78.0		78.0	Không trúng tuyển
164	CT14	Nguyễn Thị Huyền Trang	12/7/1991	Nữ	103	UBND quận Đống Đa	CT	K	41.0		41.0	Không trúng tuyển
165	TC201	Nguyễn Khánh Dũng	13/12/1982	Nam	15	Sở Giao thông Vận tải	TC2	K	59.0		59.0	Không trúng tuyển
166	TC203	Nguyễn Thu Hiền	27/12/1996	Nữ	29	Sở Khoa học và Công nghệ	TC2	K	57.0		57.0	Không trúng tuyển
167	TC205	Lê Hương Lan	14/11/1993	Nữ	29	Sở Khoa học và Công nghệ	TC2	CĐCĐHH	55.5	5	60.5	Không trúng tuyển
168	TC207	Phan Bích Ngọc	04/8/2002	Nữ	102	UBND quận Đống Đa	TC2	K	54.5		54.5	Không trúng tuyển
169	TC208	Nguyễn Lê Thu Phương	12/6/2001	Nữ	29	Sở Khoa học và Công nghệ	TC2	K	65.0		65.0	Không trúng tuyển
170	TC209	Phan Thu Uyên	16/7/2000	Nữ	102	UBND quận Đống Đa	TC2	K	51.5		51.5	Không trúng tuyển
171	TC210	Hoàng Quốc Cường	23/4/2001	Nam	56	Sở Tài chính	TC2	DTTS	Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển
172	TC212	Nguyễn Mai Hà	18/01/1997	Nam	56	Sở Tài chính	TC2	CTB	84.0	5	89.0	Không trúng tuyển
173	TC213	Nguyễn Quốc Hải	03/12/1989	Nam	56	Sở Tài chính	TC2	K	69.0		69.0	Không trúng tuyển
174	TC215	Nguyễn Việt Hoàng	03/9/1990	Nam	56	Sở Tài chính	TC2	K	89.0		89.0	Không trúng tuyển
175	TC216	Vũ Hà Tuấn Huy	06/6/2002	Nam	56	Sở Tài chính	TC2	K	65.0		65.0	Không trúng tuyển
176	TC217	Đỗ Thị Huyền	14/3/1997	Nữ	56	Sở Tài chính	TC2	K	67.5		67.5	Không trúng tuyển
177	TC218	Trần Mạnh Kiên	21/6/2001	Nam	56	Sở Tài chính	TC2	K	78.5		78.5	Không trúng tuyển
178	TC219	Đỗ Chí Sơn	15/8/1993	Nam	56	Sở Tài chính	TC2	K	Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển
179	TC220	Trần Thị Linh	22/10/1993	Nữ	56	Sở Tài chính	TC2	K	78.5		78.5	Không trúng tuyển
180	TC221	Bùi Thành Nam	15/9/1999	Nam	56	Sở Tài chính	TC2	K	0		0.0	Không trúng tuyển
181	TC222	Nguyễn Phương Thanh	20/01/2000	Nam	56	Sở Tài chính	TC2	K	87.5		87.5	Không trúng tuyển
182	TC223	Nguyễn Trịnh Minh Thư	26/11/2001	Nữ	56	Sở Tài chính	TC2	K	59.5		59.5	Không trúng tuyển

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Vị trí	Cơ quan đăng ký thi tuyển	Mã CN	Đối tượng ưu tiên	Điểm Phỏng Vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
183	TC225	Nguyễn Thị Lan Anh	10/8/1994	Nữ	59	Sở Tài chính	TC2	K	68.0		68.0	Không trúng tuyển
184	TC228	Đoàn Ngọc Khanh	04/9/2002	Nữ	59	Sở Tài chính	TC2	K	67.0		67.0	Không trúng tuyển
185	TC230	Bùi Lam Phương	14/3/2002	Nữ	59	Sở Tài chính	TC2	K	66.0		66.0	Không trúng tuyển
186	TC231	Đỗ Nhật Quang	28/12/1994	Nam	59	Sở Tài chính	TC2	K	65.0		65.0	Không trúng tuyển
187	TC232	Trần Thanh Sơn	23/6/2001	Nam	59	Sở Tài chính	TC2	K	75.0		75.0	Không trúng tuyển
188	TC233	Chu Bùi Tài	19/3/2001	Nam	59	Sở Tài chính	TC2	K	55.0		55.0	Không trúng tuyển
189	TC234	Phí Phương Thảo	30/4/2000	Nữ	59	Sở Tài chính	TC2	K	70.0		70.0	Không trúng tuyển
190	TC235	Lê Xuân An	12/4/1996	Nam	57	Sở Tài chính	TC2	K	57.0		57.0	Không trúng tuyển
191	TC237	Nguyễn Bảo Linh	04/12/1999	Nữ	58	Sở Tài chính	TC2	K	33.0		33.0	Không trúng tuyển
192	TC238	Nguyễn Thùy Linh	18/12/1993	Nữ	74	Sở Xây dựng	TC2	K	67.0		67.0	Không trúng tuyển
193	KH01	Nguyễn Kiều Anh	08/9/1998	Nữ	178	UBND huyện Thanh Trì	KH	K	33.0		33.0	Không trúng tuyển
194	TTR01	Lê Văn Đức	19/5/1999	Nam	50	Sở Quy hoạch và Kiến trúc	TTR	K	34.0		34.0	Không trúng tuyển
195	TTR02	Đoàn Trường Giang	13/4/1993	Nam	94	UBND quận Bắc Từ Liêm	TTR	K	36.0		36.0	Không trúng tuyển
196	TTR03	Lê Bá Hiệp	28/8/2001	Nam	109	UBND quận Hà Đông	TTR	K	57.0		57.0	Không trúng tuyển
197	TTR04	Nguyễn Tiến Mạnh	21/5/1992	Nam	94	UBND quận Bắc Từ Liêm	TTR	K	56.0		56.0	Không trúng tuyển
198	TTR05	Trịnh Đức Minh	03/10/1999	Nam	50	Sở Quy hoạch và Kiến trúc	TTR	K	23.0		23.0	Không trúng tuyển
199	TTR08	Trần Anh Quân	03/8/2002	Nam	50	Sở Quy hoạch và Kiến trúc	TTR	K	54.0		54.0	Không trúng tuyển
200	TTR09	Đậu Thị Trang	20/9/1999	Nữ	50	Sở Quy hoạch và Kiến trúc	TTR	CBB	66.0	5	71.0	Không trúng tuyển
201	TTR11	Nguyễn Cẩm Tú	24/10/2000	Nữ	94	UBND quận Bắc Từ Liêm	TTR	K	53.0		53.0	Không trúng tuyển
202	TTR12	Phạm Quốc Việt	24/3/1993	Nam	109	UBND quận Hà Đông	TTR	SQDB	73.0	5	78.0	Không trúng tuyển
203	TTR13	Phạm Hoàng Dương	27/01/2000	Nữ	25	Sở Giao thông Vận tải	TTR	K	50.0		50.0	Không trúng tuyển
204	TTR15	Nguyễn Anh Hường	04/8/1997	Nam	5	Văn phòng UBND Thành phố	TTR	K	51.0		51.0	Không trúng tuyển
205	TTR17	Võ Ngọc Phương Linh	06/01/1996	Nữ	5	Văn phòng UBND Thành phố	TTR	K	64.5		64.5	Không trúng tuyển
206	TTR21	Phạm Tuấn Thắng	23/11/1992	Nam	162	UBND huyện Mỹ Đức	TTR	K	82.5		82.5	Không trúng tuyển
207	TTR23	Phạm Hải Vũ	20/3/2002	Nam	5	Văn phòng UBND Thành phố	TTR	K	75.5		75.5	Không trúng tuyển
208	XD01	Khuất Hiền Anh	29/4/2001	Nữ	95	UBND quận Bắc Từ Liêm	XD	K	Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển
209	XD02	Vũ Duy Điệp	21/7/1990	Nam	92	UBND quận Ba Đình	XD	K	52.0		52.0	Không trúng tuyển
210	XD04	Nguyễn Diệu Hà	23/6/1999	Nữ	108	UBND quận Đống Đa	XD	K	25.0		25.0	Không trúng tuyển
211	XD09	Ngô Thương Huyền	09/10/2001	Nữ	108	UBND quận Đống Đa	XD	K	Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển
212	XD10	Đình Anh Thiện	21/9/1994	Nam	95	UBND quận Bắc Từ Liêm	XD	DTTS	31.0	5	36.0	Không trúng tuyển
213	XD11	Trịnh Lâm Tùng	19/4/1996	Nam	92	UBND quận Ba Đình	XD	K	44.0		44.0	Không trúng tuyển

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Vị trí	Cơ quan đăng ký thi tuyển	Mã CN	Đối tượng ưu tiên	Điểm Phỏng Vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
214	XD13	Đỗ Hoàng Bách	02/12/2001	Nam	129	UBND Thị xã Sơn Tây	XD	K	60.0		60.0	Không trúng tuyển
215	XD15	Hà Văn Bình	28/8/1987	Nam	139	UBND huyện Chương Mỹ	XD	K	60.0		60.0	Không trúng tuyển
216	XD17	Nguyễn Văn Đang	02/4/1986	Nam	135	UBND huyện Ba Vì	XD	K	50.0		50.0	Không trúng tuyển
217	XD23	Đỗ Thị Phụng	11/6/2000	Nữ	129	UBND Thị xã Sơn Tây	XD	K	55.0		55.0	Không trúng tuyển
218	XD24	Phạm Như Quỳnh	07/11/1999	Nữ	129	UBND Thị xã Sơn Tây	XD	K	70.0		70.0	Không trúng tuyển
219	XD27	Trần Dương Ngọc Giang	14/3/1999	Nam	143	UBND huyện Đan Phượng	XD	K	35.0		35.0	Không trúng tuyển
220	XD29	Trần Đức Hùng	03/9/1995	Nam	143	UBND huyện Đan Phượng	XD	K	44.0		44.0	Không trúng tuyển
221	XD30	Nguyễn Thu Huyền	12/12/2000	Nữ	181	UBND huyện Thường Tín	XD	K	50.0		50.0	Không trúng tuyển
222	XD31	Đào Thị Mỹ Linh	06/11/1993	Nữ	143	UBND huyện Đan Phượng	XD	K	Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển
223	XD32	Trần Minh Ngọc	26/12/2000	Nữ	141	UBND huyện Đan Phượng	XD	K	44.5		44.5	Không trúng tuyển
224	XD33	Nguyễn Minh Phúc	25/10/1993	Nam	143	UBND huyện Đan Phượng	XD	K	54.5		54.5	Không trúng tuyển
225	TN102	Lê Trọng Đạo	13/7/1986	Nam	121	UBND quận Long Biên	TN1	K	73.0		73.0	Không trúng tuyển
226	TN103	Lương Thị Vân Giang	18/8/1996	Nữ	63	Sở Tài nguyên và Môi trường	TN1	DTTS	50.5	5	55.5	Không trúng tuyển
227	TN106	Nguyễn Bảo Khánh	08/3/1991	Nam	89	UBND quận Ba Đình	TN1	K	26.0		26.0	Không trúng tuyển
228	TN107	Phạm Nhật Quang	16/9/2001	Nam	63	Sở Tài nguyên và Môi trường	TN1	K	20.5		20.5	Không trúng tuyển
229	TN205	Trần Long Quang	13/11/2000	Nam	62	Sở Tài nguyên và Môi trường	TN2	CTB	58.75	5	63.8	Không trúng tuyển
230	TN206	Hoàng Thị Quế	28/10/1992	Nữ	86	BQL Khu CNC Hòa Lạc	TN2	K	77.5		77.5	Không trúng tuyển
231	TN207	Lê Anh Thơ	31/3/1998	Nữ	62	Sở Tài nguyên và Môi trường	TN2	K	31.25		31.3	Không trúng tuyển
232	NV117	Đoàn Huyền Trang	12/11/1999	Nữ	9	Sở Du lịch	NV1	K	Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển
233	NV202	Hoàng Thị Huyền Trang	15/02/1990	Nữ	2	Văn phòng UBND Thành phố	NV2	DTTS	42.0	5	47.0	Không trúng tuyển
234	GT01	Nguyễn Thị Thu An	10/3/1997	Nữ	14	Sở Giao thông Vận tải	GT	K	25.0		25.0	Không trúng tuyển
235	GT03	Phạm Hoàng Châu	13/9/2000	Nữ	14	Sở Giao thông Vận tải	GT	K	51.5		51.5	Không trúng tuyển
236	GT04	Nguyễn Thị Việt Hà	06/11/1993	Nữ	14	Sở Giao thông Vận tải	GT	K	67.0		67.0	Không trúng tuyển
237	GT08	Ngô Văn Tuấn	26/12/1992	Nam	14	Sở Giao thông Vận tải	GT	K	55.0		55.0	Không trúng tuyển
238	KC01	Lê Minh Đăng	12/9/2000	Nam	87	BQL Khu CNC Hòa Lạc	KC	K	73.0		73.0	Không trúng tuyển
239	KC02	Nguyễn Thành Long	22/7/1997	Nam	87	BQL Khu CNC Hòa Lạc	KC	K	51.0		51.0	Không trúng tuyển
240	DT01	Trần Thị Thu Hiền	03/12/1986	Nữ	83	Ban Dân tộc	DT	K	66.75		66.8	Không trúng tuyển
241	DT02	Lê Hà Ngân	19/8/2001	Nữ	83	Ban Dân tộc	DT	K	17.5		17.5	Không trúng tuyển
242	DT03	Bùi Xuân Tân	04/7/2000	Nam	83	Ban Dân tộc	DT	K	52.5		52.5	Không trúng tuyển
243	DL01	Lê Ngân Anh	26/10/1995	Nữ	10	Sở Du lịch	DL	K	81.0		81.0	Không trúng tuyển
244	NN102	Nguyễn Tùng Lâm	31/7/1990	Nam	40	Sở Nông nghiệp và PTNT	NN1	K	51.0		51.0	Không trúng tuyển

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Vị trí	Cơ quan đăng ký thi tuyển	Mã CN	Đối tượng ưu tiên	Điểm Phỏng Vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
245	NN402	Nguyễn Thị Duyên	20/3/1990	Nữ	46	Sở Nông nghiệp và PTNT	NN4	DTTS	60.0	5	65.0	Không trúng tuyển
246	NGV01	Lê Thu Thùy An	26/12/2001	Nữ	36	Sở Ngoại vụ	NGV	K	14.0		14.0	Không trúng tuyển
247	NGV03	Nguyễn Thị Ngọc Anh	29/10/1995	Nữ	32	Sở Ngoại vụ	NGV	K	30.0		30.0	Không trúng tuyển
248	NGV04	Nguyễn Văn Kính	31/8/1988	Nam	36	Sở Ngoại vụ	NGV	K	17.5		17.5	Không trúng tuyển
249	NGV05	Đỗ Thị Mai	28/02/2001	Nữ	36	Sở Ngoại vụ	NGV	K	47.5		47.5	Không trúng tuyển
250	NGV07	Phạm Thùy Tiên	08/10/1993	Nữ	36	Sở Ngoại vụ	NGV	K	52.5		52.5	Không trúng tuyển
251	NGV08	Nguyễn Đình Tuấn	28/9/2001	Nam	36	Sở Ngoại vụ	NGV	K	55.0		55.0	Không trúng tuyển
252	NGV09	Ngô Ngọc Hà	06/3/2000	Nữ	34	Sở Ngoại vụ	NGV	K	24.5		24.5	Không trúng tuyển
253	NGV10	Nguyễn Văn Khánh	02/11/2000	Nam	33	Sở Ngoại vụ	NGV	K	75.0		75.0	Không trúng tuyển
254	NGV12	Nguyễn Bá Minh	22/01/1981	Nam	34	Sở Ngoại vụ	NGV	K	66.0		66.0	Không trúng tuyển
255	NGV14	Nguyễn Thế Nguyên	09/01/1996	Nam	33	Sở Ngoại vụ	NGV	K	26.0		26.0	Không trúng tuyển
256	NGV15	Nguyễn Thu Phương	08/11/1996	Nữ	33	Sở Ngoại vụ	NGV	K	66.0		66.0	Không trúng tuyển
257	NGV16	Đỗ Thị Minh Thư	03/3/1993	Nữ	35	Sở Ngoại vụ	NGV	K	45.0		45.0	Không trúng tuyển
258	NGV17	Thạch Thị Khánh Vy	03/12/2001	Nữ	34	Sở Ngoại vụ	NGV	K	71.0		71.0	Không trúng tuyển
259	QH01	Lê Thái Anh	14/12/2000	Nam	51	Sở Quy hoạch và Kiến trúc	QH	K	Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển
260	QH02	Trần Ngọc Đăng	09/02/1998	Nam	51	Sở Quy hoạch và Kiến trúc	QH	K	65.0		65.0	Không trúng tuyển
261	QH03	Nguyễn Tất Đạt	04/10/1994	Nam	53	Sở Quy hoạch và Kiến trúc	QH	K	63.0		63.0	Không trúng tuyển
262	QH04	Đỗ Xuân Đạt	07/6/1998	Nam	53	Sở Quy hoạch và Kiến trúc	QH	K	57.5		57.5	Không trúng tuyển
263	QH07	Hà Anh Tuấn	05/5/1990	Nam	53	Sở Quy hoạch và Kiến trúc	QH	K	68.0		68.0	Không trúng tuyển
264	TP02	Nguyễn Vũ Thanh Hà	06/01/1999	Nữ	71	Sở Tư pháp	TP	K	44.5		44.5	Không trúng tuyển
265	TP03	Phạm Hoàng Hải	06/11/2000	Nam	71	Sở Tư pháp	TP	K	42.0		42.0	Không trúng tuyển
266	TP04	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	10/6/2002	Nữ	71	Sở Tư pháp	TP	K	29.5		29.5	Không trúng tuyển
267	TP05	Vũ Cẩm Nhung	30/7/1999	Nữ	71	Sở Tư pháp	TP	K	50.0		50.0	Không trúng tuyển
268	TP06	Nguyễn Tiến Phong	02/01/1998	Nam	71	Sở Tư pháp	TP	K	58.5		58.5	Không trúng tuyển
269	TP07	Phan Phương Thảo	09/8/2000	Nam	71	Sở Tư pháp	TP	K	58.5		58.5	Không trúng tuyển
270	TP08	Nguyễn Thùy Trang	01/02/2000	Nữ	71	Sở Tư pháp	TP	DTTS	49.5	5	54.5	Không trúng tuyển
271	TP09	Nguyễn Thị Mai Anh	20/10/1990	Nữ	161	UBND huyện Mỹ Đức	TP	K	35.5		35.5	Không trúng tuyển
272	TP11	Trần Thùy Dương	22/9/1989	Nữ	72	Sở Tư pháp	TP	K	76.0		76.0	Không trúng tuyển
273	TP12	Lê Hoàng Thu Hà	30/12/2002	Nữ	72	Sở Tư pháp	TP	DTTS	60.0	5	65.0	Không trúng tuyển
274	TP13	Đặng Thanh Hương	21/4/1997	Nữ	72	Sở Tư pháp	TP	K	Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển
275	TP16	Doãn Thị Vân	01/6/1988	Nữ	145	UBND Đan Phượng	TP	K	36.0		36.0	Không trúng tuyển

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Vị trí	Cơ quan đăng ký thi tuyển	Mã CN	Đối tượng ưu tiên	Điểm Phỏng Vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
276	XD40	Nguyễn Quỳnh Chi	02/10/1995	Nữ	77	Sở Xây dựng	XD	K	60.5		60.5	Không trúng tuyển
277	XD46	Trần Anh Tú	14/02/1992	Nam	80	Sở Xây dựng	XD	K	75.5		75.5	Không trúng tuyển
278	YT05	Quốc Thị Bích Ngọc	29/10/1997	Nữ	91	UBND quận Ba Đình	YT	DTTS	60.0	5	65.0	Không trúng tuyển